

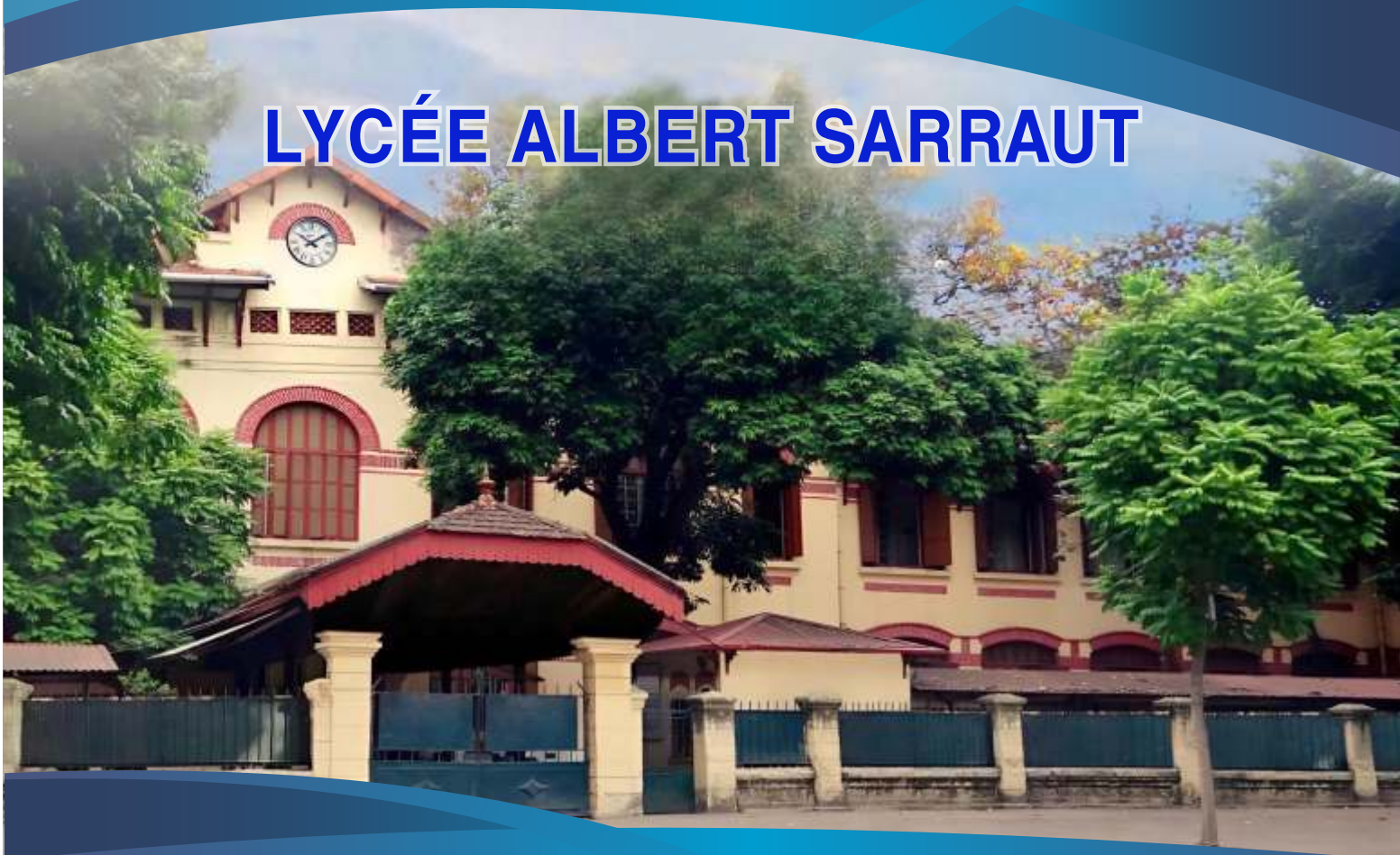


ALAS VIETNAM

CÂU LẠC BỘ CỰU HỌC SINH LYCÉE ALBERT SARRAUT
CLUB DES ANCIENS DU LYCÉE ALBERT SARRAUT

BẢN TIN 2025

LYCÉE ALBERT SARRAUT



LỄ RA MẮT CÂU LẠC BỘ CỰU HỌC SINH LYCÉE ALBERT SARRAUT
(Chủ nhật, 9/01/ 2011)
La cérémonie d'inauguration du Club des Anciens du Lycée Albert Sarraut
(le dimanche 09 janvier 2011)



Ông Nguyễn Huy Quang, Chủ tịch AACVF



Thầy Võ Phi Hồng



Ngày 17/12-2010, Ban Chấp hành trao đổi công việc chuẩn bị cho buổi Lễ ra mắt ALAS VN.



Ban Chấp hành Câu lạc bộ và một số khách mời



Lời nói đầu



*Kính thưa quý anh chị Cựu học sinh Lycée Albert Sarraut,
Kính thưa các vị khách quý.*

Năm 2025 là dịp kỷ niệm một hoa giáp 60 năm
Trường Albert Sarraut
được Chính phủ Pháp bàn giao lại cho Chính phủ
Việt Nam (1965 - 2025).

Câu lạc bộ Cựu học sinh Lycée Albert Sarraut (*Club des Anciens du Lycée Albert Sarraut* - *ALAS VN*) tiếp tục có nhiều hoạt động tích cực và hiệu quả, tham gia các sự kiện do Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (*Viet Nam Union of Friendship Organizations* - *VUFO*), Hội Hữu nghị và hợp tác Việt Nam-Pháp (*Association d'Amitié et de Coopération Vietnam-France* - *AACVF*), Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố Hà Nội (*Ha Noi Union of Friendship Organizations* - *HUFO*), Hội Hữu nghị Việt-Pháp Thành phố Hà Nội (*Association d'Amitié Vietnam-France de Hanoi*), Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam (*Ambassade de France au Vietnam*) ... tổ chức.

Và như đã hẹn ước, Hội trường năm nay được tổ chức vào ngày Chủ nhật 26/10/2025 tại ngôi trường mà chúng ta đã học tại số 8 Hai Bà Trưng, Hà Nội (*nay là trụ sở của trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm*).

Hội trường 2025 với nhiều nội dung phong phú, có sự hiện diện của các vị khách quý từ AACVF, VUFO, Hội Hữu nghị Việt - Pháp TP Hà Nội, các vị khách đại diện ĐSQ Pháp, Ban Giám hiệu trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm, cùng toàn thể quý anh chị Cựu học sinh LAS.

ALAS VN gửi tới các quý vị Bản tin Alas VN 2025 với nhiều bài viết về các Thầy, về các cựu học sinh LAS, với nhiều hình ảnh đẹp về các hoạt động đối nội và đối ngoại của ALAS VN, của các nhóm lớp ALAS HN, ALAS Thành phố Hồ Chí Minh, ALAS Californie, và ALAS Paris

Xin được thay mặt Ban Chấp hành ALAS VN gửi lời cảm ơn chân thành tới các vị khách quý, các quý anh chị đồng môn về sự ủng hộ nhiệt tình, thiết thực các hoạt động của câu lạc bộ và tổ chức Hội trường trong suốt những năm qua ...

Với đặc điểm các hội viên của chúng ta tuổi ngày càng cao, sức khỏe giảm sút, câu lạc bộ sẽ phải có những hình thức kết nối, hoạt động phù hợp ...

Chúc tình hữu nghị giữa hai quốc gia Việt Nam - Pháp mãi mãi trường tồn

Xin kính chúc các quý vị và gia đình luôn Mạnh khỏe, An bình và Hạnh phúc.

TM. BCH ALAS VIETNAM

Chủ tịch VŨ ĐẠI DƯƠNG

Một số hình ảnh về mái trường xưa

GRAND LYCÉE VÀ PETIT LYCÉE



TRƯỜNG ALBERT SARRAUT
DƯỚI CHÍNH THỂ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
(1955 - 1965)

Ngô Thế Long

Trước năm 1954, Lycée Albert Sarraut là trường trung học đầu tiên được mở ở Đông Dương vào năm 1912. Lúc đầu có tên là Collège Paul Bert và đến năm 1918 được nâng từ collège (như Trung học cơ sở) lên lycée (Trung học phổ thông) thành Trường Trung học Hà Nội (Lycée de Hanoi). Sau khi xây dựng trụ sở mới tại Rue Honoré de Tissot (nay là phố Hoàng Văn Thụ), theo nghị định ngày 24/7/1923 của Toàn quyền Đông Dương Baudoin, trường mang tên Albert Sarraut, viên Toàn quyền Đông Dương những năm 11/1911 - 01/1914 và 01/1917 - 05/1919 và lúc này là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp. Trường được coi như tương đương với các trường trung học lớn ở Pháp. Tuy vậy, số lượng học sinh tốt nghiệp (tú tài) hàng năm không nhiều: năm học 1919 - 1920 có 14, 1920 - 1921: 25, 1921 - 1922: 30, 1922 - 1923: 37, 1923 - 1924: 42... Học sinh của trường chủ yếu là con em người Pháp và người châu Âu ở Đông Dương. Trường cũng có học sinh là người Đông Dương, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản. Nhiều nhà chính trị, nhà khoa học, nhà văn hóa Việt Nam đã học tại đây. Trước năm 1945, nhiều học sinh Việt Nam là học sinh của Trường đã đạt được giải thưởng cao trong các kỳ thi học sinh giỏi của các trường Trung học ở Pháp và thuộc địa Pháp như Đặng Phúc Thông (về toán năm 1924), Phạm Huy Thông (về triết học năm 1934), Trần Đức Thảo (về triết học năm 1935). Vào năm 1954, trường có khoảng 2400 học sinh cả tiểu học và trung học.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết ngày 20/7/1954, chính quyền và quân đội Pháp rút về phía nam vĩ tuyến 17, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Thực hiện thư trao đổi ngày 21/7/1954 giữa Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng, Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Genevơ với Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Pierre Mendès-France, Trưởng đoàn Cộng hòa Pháp tại Hội nghị Genevơ về các mối quan hệ kinh tế và văn hoá giữa hai chính phủ, trong giai đoạn này một số văn bản đã được ký kết giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Pháp về ngoại giao, kinh tế, khoa học, y tế và văn hoá, trong đó có Thỏa thuận về văn hoá ký ngày 7/4/1955. Thỏa thuận này nhằm “tạo điều kiện hiểu biết lẫn nhau và trao đổi văn hóa giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Pháp” và đã được thông qua bằng nghị định thư ngày 23/7/1955. Theo thỏa thuận này, Trường Trung học Albert Sarraut được tiếp tục mở tại Hà Nội trong thời hạn 10 năm, từ 1955 đến 1965.

*

Theo thỏa thuận, trường Albert Sarraut không do Chính phủ Pháp kiểm soát nữa mà là một trường tư thực do tổ chức Lương hội Pháp (Mission Laïque Française), một tổ chức nhằm truyền bá tiếng Pháp và văn hoá Pháp bằng việc mở các trường học ở nước ngoài, chịu trách nhiệm. Học sinh học tại trường không phải đóng học phí. Năm học đầu tiên 1955 - 1956, Trường vẫn tổ chức các lớp học như trước tức là theo học hệ phổ thông 12 năm (gần giống như hiện nay). Tuy là Lycée, trường có đủ cả các lớp từ tiểu học (primaire) đến trung học (collège và lycée). Từ năm học 1956 - 1957, hệ giáo dục phổ thông của miền Bắc Việt Nam được thực hiện trong 10 năm học (lớp vỡ lòng, tương đương với lớp 1 hiện nay, nằm ngoài hệ thống trường phổ thông) và Trường có đủ 3 cấp : cấp 1 từ lớp 1- lớp 4 (tiểu học), cấp 2 từ lớp 5-7 (trung học cơ sở) và cấp 3 từ lớp 8-10 (trung học phổ thông). Nội dung các môn học theo chương trình của Nha Giáo dục phổ thông và sách giáo khoa do Bộ Giáo dục xuất bản. Chỉ có một số điểm khác của Trường Albert Sarraut so với trường khác là tiếng Pháp là môn học ngoại ngữ chính tại trường do giáo viên người Pháp dạy và được học ngay từ cấp 1. Mỗi tuần học khoảng 5-6 giờ ở cả cấp 1, 2 và 3 (trong đó tại các trường khác tại Hà Nội, học sinh học tiếng Nga hoặc tiếng Trung 3-4 giờ 1 tuần và chỉ học ở cấp 2 và 3). Một số con em cán bộ đại sứ quán các nước xã hội chủ nghĩa tại Hà Nội lúc đó cũng theo học giờ tiếng Pháp tại trường. Ngoài ra tiếng Pháp còn được dùng trong một số môn khoa học tự nhiên ở cấp 2 và 3, ví dụ như môn toán học 6 giờ một tuần bằng tiếng Pháp (tuy nhiên, từ năm học 1960 - 1961, các môn này được học hoàn toàn bằng tiếng Việt).

Trường có các phòng thí nghiệm lý, hoá được trang bị các dụng cụ tương đối đầy đủ cho học sinh. Cũng như các trường khác, ngoài các môn học trên lớp, trường tổ chức cho học sinh lao động, thâm nhập thực tế. Hàng năm, học sinh các lớp cấp 2, 3 xuống Hợp tác xã nông nghiệp Sài Đồng, huyện Gia Lâm (nay là phường thuộc quận Long Biên) nơi kết nghĩa với trường để gặt lúa giúp nông dân trong khoảng 5-7 ngày. Đầu những năm 1960, bên Pháp đã trang bị cho trường một xưởng mộc và xưởng cơ khí với các thiết bị tương đối hiện đại thời đó để học sinh thực tập.



Trường sở 8 Hai Bà Trưng

Ngay từ năm học đầu 1955-1956, trường được chuyển về trụ sở của trường tại số 8 phố Hai Bà Trưng. Thời gian đầu, trường sở này dành riêng cho học sinh cấp 2 và 3. Còn trường cấp 1 ở tại trường sở cũ của Trường Saint-Marie (37 phố Hai Bà Trưng, nay là Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba). Từ năm 1960, trụ sở này được giao lại cho Sở Giáo dục Hà Nội và tất cả học sinh của trường từ lớp 1 đến lớp 10 đều học tại 8 Hai Bà Trưng (buổi sáng cấp 2, 3 và buổi chiều dành cho cấp 1).



Lớp 2b (năm học 1956 - 1957) do cô Đỗ Thị Thịnh là giáo viên chủ nhiệm

Hiệu trưởng của trường (proviseur) là người Pháp do Tổ chức Lương hội Pháp bổ nhiệm là những ông : Rhem (1955 - 1957), Pol Simon (1957 - 1958), Ehrentrant (1958 - 1960), Malleville (1960 - 1963) và cuối cùng là ông Verdier (1963 - 1965). Thời gian đầu chức giám thị (censeur) cũng là người Pháp, nhưng từ năm 1958, chức này là người Việt do Sở Giáo dục Hà Nội bổ nhiệm là ông Hoàng Kim Hải, thường gọi là Hiệu phó và thực chất là người quản lý mọi hoạt động của trường. Cấp 1 có một ban giám hiệu riêng. Giáo viên người Pháp do Tổ chức Lương hội Pháp tuyển chọn từ Pháp. Giáo viên Việt Nam do Ban giám hiệu, thay mặt cho Tổ chức Lương hội Pháp tuyển chọn. Nhiều giáo viên của trường là những người có tiếng như Đoàn Phú Tứ (1910 - 1989), Nguyễn Giang (1910 - 1969), Lê Văn Hoè (1911 - 1968), Ngô Quang Châu (1919 - 2003), Nguyễn Văn Phúc (1918 - 1983), Lan Sơn (Nguyễn Đức Phòng, 1912 - 1974), kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Ngoạn (1912-1990), họa sĩ Nam Sơn (Nguyễn Vạn Thọ, 1890 - 1973), nhạc sĩ Tu My (Đỗ Mạnh Cường, 1928 - 1986)...

Từ năm học 1959 - 1960, có thêm một số giáo viên do Sở Giáo dục Hà Nội cử vào như Hoàng Kim Hải, Võ Phi Hồng, Lê Anh, Đào Bình ... và các lớp cuối cấp còn có một số giáo viên của các trường cấp 3 khác của Hà Nội dạy, như các thầy Phạm Bá Rô (Văn), Vũ Nhật Tăng (Toán), Nguyễn Thành (Hóa), cô Phạm Thiều Hoa (Sinh vật)...



Học sinh lớp 10 khóa 1964 - 1965, khóa cuối cùng của trường, chụp trong sân trường

Thời gian đầu, học sinh các lớp trên là từ trường cũ chuyển sang, còn học sinh mới xin học tại trường phần lớn là con em các tầng lớp thị thành Hà Nội. Từ năm 1959, việc tuyển sinh vào học theo các khối phổ (như đơn vị hành chính phường hiện nay nhưng nhỏ hơn) quanh trụ sở của trường. Học sinh theo học ở trường: khoá 1955 - 1956 có 590 học sinh, 1956 - 1957 có 860, 1957 - 1958 có 1270, 1958 - 1959 có 1435, 1959 - 1960 có 1420, 1960 - 1961 có 1082, 1961 - 1962 có 1029, 1962 - 1963 có 970, 1963 - 1964 có 1004 và khoá cuối cùng 1964 - 1965 có 966 học sinh.

Mỗi khối lớp ở cấp 1 có từ 4 đến 6 lớp, cấp 2 có từ 3-4 lớp và ở cấp 3 chỉ có 1 lớp. Tổ chức cho học sinh thi hết cấp theo chương trình, môn thi và lịch thi của Sở Giáo dục Hà Nội. Trường có Hội đồng thi riêng cho thi hết cấp 1 và cấp 2, còn học sinh thi tốt nghiệp trường phổ thông (cấp 3) thi theo các hội đồng kết hợp với các trường cấp 3 khác. Ví dụ học sinh thi tốt nghiệp khoá cuối cùng của trường (1964 - 1965) có 22 người thi tại Hội đồng thi Hà Nội B - Sarô.

Cũng như các trường khác, trường cũng có các tổ chức Đảng, Thanh niên và Thiếu niên. Ngay từ thời tạm chiếm, trường đã có tổ chức thanh niên hoạt động bí mật Năm 1958, chi đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam được chính thức thành lập tại trường, lấy tên là chi đoàn 25 thuộc Khu đoàn Hoàn Kiếm và Liên đội Thiếu niên tiền phong cũng được thành lập và lấy tên là Liên đội Bắc Sơn. Các Chi đội thiếu niên cũng được thành lập ở các lớp học lấy tên các anh hùng, liệt sĩ Việt Nam như Kim Đồng, Võ Thị Sáu... Thành Đoàn Hà Nội cử một cán bộ xuống làm bí thư và làm công tác Đoàn thường trực tại Trường. Chi đoàn và Liên đội thiếu niên cũng tham gia đầy đủ các hoạt động do Thành Đoàn Hà Nội và Khu đoàn Hoàn Kiếm tổ chức như thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ ... Cuối năm học 1961-1962, Nguyễn Đỗ Hùng, học sinh lớp 7C, đã anh dũng hy sinh thân mình cứu bạn, được Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam truy tặng Bằng khen và nhà nước truy tặng danh hiệu liệt sĩ.



Chi đoàn 25 năm học 1964 - 1965

Năm 1965, năm kết thúc Thỏa thuận về văn hoá giữa Việt Nam và Pháp, cũng là năm quân đội Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc Việt Nam. Các trường học của Hà Nội từ năm học 1965-1966 phải di dời tản xa Hà Nội. Lycée Albert Sarraut chính thức giải thể. Giáo viên và học sinh của trường chuyển sang các trường đại học và phổ thông khác. Số học sinh tốt nghiệp phổ thông theo học các trường Đại học, đi làm ở các công sở, nhà máy hoặc tham gia quân đội. Trụ sở của Trường tại 8 Hai Bà Trưng sau này là trường sở của Trường Phổ thông Công nghiệp, Sở Giáo dục Hà Nội và nay là Trường Phổ thông trung học Trần Phú - Hoàn Kiếm.

*

55 năm đã qua, các học sinh trong giai đoạn này của trường đã tham gia hầu hết các lĩnh vực của đất nước: cán bộ khoa học, giáo viên phổ thông, giảng viên đại học, bác sĩ, kỹ sư, viên chức nhà nước, sĩ quan quân đội ... Một số đã trở thành chuyên gia đầu ngành trong một số lĩnh vực khoa học, nghệ thuật như PGS, TS. Nguyễn Đức Hiền, nguyên Viện trưởng Viện Y học lâm sàng các bệnh nhiệt đới; PGS, TS. Phạm Văn Cự, nguyên Giám đốc Trung tâm nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS, GS, TS, Nghệ sĩ Nhân dân Ngô Văn Thành, nguyên Giám đốc Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Trong học tập, công tác, mọi người đã có thể học và làm việc bằng nhiều tiếng khác như : tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Tiệp ..., nhưng nhờ đã được học tiếng Pháp khi còn nhỏ, nên việc tiếp cận và sử dụng các ngôn ngữ khác đã thuận lợi hơn rất nhiều. Và sẽ nhớ mãi những ngày mà chúng tôi, như cậu bé của Anatole France, “au bord du lac Hoàn Kiếm”, “les mains dans les poches et sa gibecière au dos, s'en va au collège en sautillant comme un moineau”, và tiếng Pháp cũng như những ngày học tại trường Albert Sarraut cùng các thầy cô người Việt, người Pháp, các bạn trong giai đoạn đặc biệt này mãi mãi là những kỷ niệm không thể quên được của các “anciens élèves du LAS de 1955 à 1965”.

Tài liệu tham khảo :

- Journal officiel de l'Indochine năm 1923.
- Hubert Thierry .- La condition juridique du Nord Vietnam /Annuaire français de droit international, volume 1, 1955.
- Mémoire des anciens du Lycée Albert Sarraut de Hanoi.

(Phần chính của bài đã đăng trên Tạp chí Xưa và Nay số 366, tháng 10/2010, tr. 21-23)



- Hàng ngồi (từ Trái qua): Các cô: Đào, Thịnh, Trâm, Ái, Tuệ, Châu Thi;
- Hàng đứng giữa: Có thêm vài cô trường SP thực tập (Trái qua): SP1, SP2, Băng Tâm, SP3, Định, SP4, Bích Lý;
- Hàng đứng sau (Trái qua) các Thầy: Mùi, Thiệp, Truyền, Lộc, Thiết, A. Lai (Cb đoàn) & Bách (Thể dục).



Các thầy cô giáo trao đổi với các học trò







THẦY NGÔ QUANG CHÂU

Ngô Thế Long

Mùa Thu năm 1988, trải qua những năm chiến tranh, những năm khốn khó, sau hơn 20 năm xa trường, chúng tôi đã có buổi gặp mặt đầu tiên những bạn cùng học lớp cấp 3 cuối cùng của Trường Albert Sarraut (1962-1965). Vui hơn nữa là buổi gặp mặt này chúng tôi được gặp lại các thầy chủ nhiệm các lớp cấp 3: Thầy Vương Tứ Ba, Chủ nhiệm lớp 8 (1962-1963), thầy Ngô Quang Châu, Chủ nhiệm lớp 9 (1963-1964) và thầy Võ Phi Hồng, dạy Văn lớp 10 (1964-1965). Gần đây, tôi được chị Ngô Mây Ngân, con gái của thầy Ngô Quang Châu, gửi bài thơ ngắn ghi lại cảm tưởng của thầy trong buổi gặp này:

Tặng các học trò cũ khóa 62-65

*Hai năm năm ấy nhanh sao
Tình thầy, nghĩa bạn biết bao đậm đà
Chống trèo ghềnh thác phong ba
Mãng non giờ đã tre già xum xuê
(Bên Hồ Thiên Quang. Buổi gặp một chiều 88, tại nhà Nguyễn Hoài An,
con gái cô Họa sĩ Nam Sơn, 68 Nguyễn Du.).*



Thời học trò, được các thầy dạy dỗ, chỉ biết yêu kính các thầy qua những giờ học, giờ lao động, xuống xã Sài Đồng giúp dân gặt lúa ... ít có dịp hiểu các thầy, những người đã trải qua những giai đoạn rất đặc biệt, nhiều chuyện vui, buồn, sóng gió trong lịch sử Việt Nam. Giờ bọn trò xưa của các thầy đã qua tuổi thất thập, đã: “Chống trèo ghềnh thác phong ba” mới có dịp hiểu thêm những nỗi lòng, những uẩn khuất trong cuộc đời của các thầy.

Vào những năm 1990, tôi thường được gặp thầy Ngô Quang Châu đến đọc sách tại Thư viện Khoa học xã hội ở 26 Lý Thường Kiệt, nơi tôi làm việc. Tôi được thầy trò chuyện, chuyện xưa, chuyện nay và nhất là được thầy cởi mở những chuyện mà thầy vẫn dấu kín trong lòng.



Thầy Ngô Quang Châu (1919 - 2003)

Ông Ngô Quang Châu sinh ngày 3/2/1919 tại Hà Nội, trong một gia đình công chức của chính quyền thuộc địa Pháp. Cha ông mất khi ông còn trong bụng mẹ. Ông cũng đã sớm mồ côi mẹ khi mới 8 tuổi. Mẹ ông trước khi mất, vào năm 1927, đã gửi ông cho người bác ruột là Ngô Quang Ngân, không có con nhận làm con nuôi. Ông Ngô Quang Ngân lúc đó được Chính quyền thuộc địa Pháp bổ làm Phó Công sứ tại Quảng Châu Loan⁽¹⁾. Ông Châu đã được người bác và là cha nuôi cho ăn học tại Quảng Châu Loan cho đến năm 1933 thì về Hà Nội học tại Trường Trung học Thăng Long. Từ năm 1936 cho tới năm 1942, ông dạy học tại tư gia ở Hà Nội, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Yên, nhằm kiếm tiền tự lập sinh sống và tự học thi đỗ Tú tài. Sau đó, cùng với dạy học tư ông bắt đầu viết sách, báo tại Hà Nội.

Vào đầu năm 1944, được bạn học Trường trung học Thăng Long là Lưu Đức Hiểu (bí danh là Lưu Quyên), Bí thư Thành ủy Hà Nội năm 1940, giới thiệu ông với ông Hạ Bá Cang (tức Hoàng Quốc Việt) tham gia một số hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Hè 1944 ông tham gia Đảng Dân Chủ do ông Dương Đức Hiền làm Chủ tịch. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, được ông Khuất Duy Tiến tổ chức cho tham gia Hội Văn hoá cứu quốc. Ngày 17/8/1945 tham gia nhóm Thanh niên xung phong do ông Chu Văn Tích là đội trưởng, cướp diễn đàn của cuộc mít tinh do Tổng hội công chức của chính phủ Trần Trọng Kim tổ chức. Ngay sau khi ông Trần Lâm tung lá cờ đỏ sao vàng từ tầng 2 Nhà hát lớn xuống, ông Ngô Quang Châu đã cùng bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng diễn thuyết và đọc lời kêu gọi hiệu triệu của Việt Minh. Và cuộc mít tinh đã nhanh chóng trở thành cuộc tuần hành của quần chúng tại Thủ đô Hà Nội. Ngay tối 17/8, ông Châu cùng ông Trần Lâm tới nhà in báo Tin Mới thuyết phục công nhân và chủ báo Mai Văn Hàm, cho in ngay bài báo về cuộc mít tinh vừa diễn ra và lời hiệu triệu của Việt Minh kêu gọi đồng bào cả nước, thời cơ đã đến, đoàn kết xung quanh Việt Minh, vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 22/8/1945, ông Ngô Quang Châu tham gia cướp chính quyền ở tỉnh Sơn Tây và là người ký vào biên bản của viên Tuần phủ bàn giao chính quyền cho Cách mạng. Tháng 9/1945 ông tham gia tổ chức Tuần lễ vàng tại Nhà hát lớn và là người trực tiếp chịu trách nhiệm giữ hòm vàng vận chuyển bằng một xe tay có ông Nguyễn Xuân Ngọc (sau làm việc ở Phủ Thủ tướng) đi xe đạp bên cạnh bảo vệ về tập kết tại nhà ông Lưu Quyên, ở gác hai một ngôi nhà cuối phố Nhà Hoả. Tháng 10/1945, ông là chủ tịch Ban tổ chức Tuần lễ Văn hoá ủng hộ kháng chiến Nam Bộ và đã tổ chức lễ khai mạc vào ngày 7/10/1945 tại nhà Khai Trí Tiến Đức, Bờ Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội với sự có mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cố vấn Vĩnh Thụy.



*Tại Nhà Khai trí Tiến Đức, ngày 7/10/1945. Từ trái sang phải: Luật sư Vũ Trọng Khánh
Đặng Thai Mai, Vĩnh Thụy (Bảo Đại), Vũ Đình Huỳnh, Ngô Quang Châu, Trần Huy Liệu,
Hồ Chí Minh, Lưu Văn Lợi, Nguyễn Đình Thi... (Ảnh của Nguyễn Bá Khoản).*

Từ tháng 12/1945 đến tháng 1/1946, ông làm Chủ tịch Ủy ban vận động Tổng Tuyển cử toàn quốc. Tháng 11/1945 đến 12/1946 là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn hóa Cứu Quốc, là biên tập viên báo Tiên Phong, tạp chí của Trung ương Hội và Phụ trách Nhà xuất bản Văn hóa Cứu Quốc. Ông cũng là Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Vận động Đời sống mới. Cũng lúc này ông viết xong và cho xuất bản cuốn sách "Chữ của Dân tộc". Tháng 12/1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến, ông được giao nhiệm vụ phân phát tài liệu của Đảng, tổ chức

các đường dây chuyển báo chí, thư tín ... ở các khu. Ông được cử phụ trách các Chi nhánh báo Cứu Quốc tại Liên khu 2 và Liên khu 3. Tại Hội nghị Văn nghệ toàn quốc, tổ chức từ ngày 23 đến 25/7/1948 tại Việt Bắc, đã chính thức thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam và ông Ngô Quang Châu được bầu vào Ban Chấp hành Hội. Từ tháng 6/1950 đến 6/1952, ông là Ủy viên Thường vụ Trung ương Hội Văn Nghệ, đặc trách Liên khu 3, Bí thư Chi bộ Văn nghệ, Giám đốc Nhà xuất bản Văn nghệ Trung ương (nay là Nhà xuất bản Văn học).

Do sức khỏe, ông nghỉ công tác, cùng gia đình về sống và dưỡng bệnh tại một căn nhà sàn của một bản Mường trên Quốc lộ 12. Thời gian sống ở đó, các văn nghệ sỹ đi lên Việt Bắc thường lại ghé thăm ông như Nam Cao, Văn Cao, Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng ...

Sau ngày tiếp quản Thủ đô 10/1954, gia đình ông trở về Hà Nội. Ông viết và cho xuất bản các cuốn: *Tiếng của Dân Tộc*, *Truyện ngắn Nam Bắc một nhà*, *Vấn đề bổ sung văn Quốc Ngữ*. Thấy con đường dạy học là phù hợp với mình, nên từ đây ông chuyển sang dạy học cho đến cuối đời. Từ năm 1955 đến 1965 dạy ở Trường Albert Sarraut theo một hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp và là Thư ký Công đoàn của trường trong nhiều năm. Sau khi Trường Albert Sarraut giải thể, ông được phân công về dạy Toán ở Trường Đông Mỹ. Đến năm 1968 ông chuyển về dạy ở Đại học Ngoại thương và về hưu tại đây năm 1981, kết thúc một chặng đường dài của cuộc đời hoạt động và làm việc, nhưng lại đề bắt đầu một trang mới: Tự do tìm tòi, nghiên cứu những vấn đề yêu thích về ngôn ngữ, văn chương. Hàng ngày đi các Thư viện Quốc gia, Thư viện Khoa học xã hội, đi đây đó tìm hiểu, đọc sách và viết lách. Ông thông thạo nhiều ngoại ngữ như Pháp, Trung, Anh ...

Ông Ngô Quang Châu mất ngày 30/4/2003 tại Hà Nội.

*

Bao nhiêu năm đã qua, bọn trẻ chúng tôi vẫn không quên được hình dáng thầy: nhanh nhẹn, giọng nói khô, ấm và vang. Ở Trường, thầy Châu là thầy giáo có thể dạy nhiều môn nhất từ Toán, Văn, Sử, Địa ... Và là người thầy rất nghiêm khắc nhưng rất thương yêu trò, và cũng rất lãng mạn. Có lẽ ít người biết cái lãng mạn đó của thầy từ việc đặt tên các con của mình: Sáng, Mây Ngàn, Sao, Dịu Dàng, Vui ... Chị Ngô Mây Ngàn có kể: Vào một sáng cuối đông, trên nếp nhà sàn ở Đường 12, thầy Châu nhìn ra cửa rừng có đám mây đang trôi và đặt tên cho cô con gái yêu mới sinh là Mây Ngàn.

Sau buổi gặp lần đầu vào năm 1988 đó, thầy Châu còn nhiều lần dự những buổi gặp mặt sau của lớp chúng tôi và chúng tôi cũng nhiều lần đến thăm thầy cô ở phố Bà Triệu, đường Thụy Khuê, làng Trích Sài ...

Cuộc đời một người thầy, giản dị mà trau chuốt cùng với thời cuộc, nhưng luôn giữ nhân cách tử tế của đạo làm con, đạo làm người.



Thầy Ngô Quang Châu và vợ Nghiêm Thị Tánh (1926 - 2014)

⁽¹⁾ Quảng Châu Loan (tiếng Pháp là Kouang-Tchéou-Wan), một vùng đất ở miền Nam Trung Hoa, ven bờ đông bán đảo Lô Châu, thuộc tỉnh Quảng Đông và từ năm 1898 là nhượng địa của Pháp, ký với nhà Thanh với hạn kỳ 99 năm nhưng đến năm 1946 Pháp trao trả lại Quảng Châu Loan cho chính phủ Trung Hoa Dân quốc theo hiệp ước ký kết ở Trùng Khánh ngày 28/2/1946, vùng đất này nay là Thành phố Trạm Giang thuộc tỉnh Quảng Đông.